

Số: 15 /2025/TT-BNV

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2025

THÔNG TƯ

**Quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành
Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP
ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp,
phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết
và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng**

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Quy định chung về thi đua, khen thưởng

1. Đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích xuất sắc đột xuất thì người đứng đầu Bộ, ban, ngành, tỉnh khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp thành tích tiêu biểu xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc lĩnh vực thuộc Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc phạm vi toàn quốc thì đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước theo tiêu chuẩn quy định.

2. Đối với tập thể không có tổ chức đảng, đoàn thể khi đề nghị khen thưởng trong Báo cáo thành tích phải thể hiện là tập thể không có tổ chức đảng, đoàn thể.

3. Người đứng đầu Bộ, ban, ngành, tỉnh khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua trong phạm vi Bộ, ban, ngành, tỉnh thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Bộ, ban, ngành không đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước cho đối tượng không do Bộ, ban, ngành quản lý chuyên môn theo ngành dọc.

Khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, ngoài việc khen thưởng theo thẩm quyền, Bộ, ban, ngành, tỉnh lựa chọn cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (đối với phong trào thi đua có thời gian từ 03 năm trở lên); lựa chọn cá nhân, tập thể có thành tích đặc biệt xuất sắc đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (đối với phong trào thi đua có thời gian từ 05 năm trở lên).

4. Khi Bộ, ban, ngành, tỉnh tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn quốc tế, khu vực... thì thực hiện khen thưởng theo thẩm quyền, không đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, trừ thành tích phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước do lãnh đạo Đảng, Nhà nước chỉ đạo.

5. Việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” trong một số trường hợp cụ thể được thực hiện như sau:

a) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của bệnh viện hoặc Trung tâm y tế khu vực trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”;

b) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên thì thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng được tính vào thời gian để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định chung, trong thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng, cá nhân phải chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, hoàn thành nhiệm vụ học tập, đạt kết quả học tập từ loại khá trở lên (đối với các khóa đào tạo, bồi dưỡng có xếp loại trung bình, khá, giỏi...);

c) Đối với cá nhân chuyển công tác hoặc được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” do cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ (đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức) hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị mới (đối với cá nhân không phải

là cán bộ, công chức, viên chức) thực hiện. Trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ;

d) Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 06 tháng.

Điều 3. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau được chia theo khối thi đua, cụm thi đua.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo cụm thi đua, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các cụm thi đua, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo chuyên đề là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phân đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo chuyên đề khi đã xác định rõ thời gian mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp cụ thể.

Điều 4. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm triển khai tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi quản lý theo một số nội dung sau:

1. Tổ chức phong trào thi đua gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển của cơ quan, đơn vị, tổ chức. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ hiểu, có chỉ tiêu, nội dung, kế hoạch, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của cá nhân, tập thể, hộ gia đình.

2. Triển khai nhiều biện pháp tuyên truyền, vận động cá nhân, tập thể, hộ gia đình tích cực hưởng ứng, tham gia các phong trào thi đua. Thường xuyên đôn đốc, theo dõi quá trình tổ chức thực hiện; chú trọng công tác chỉ đạo điểm, hướng dẫn, kiểm tra đối với phong trào thi đua có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên; phát hiện nhân tố mới, điển hình tiên tiến để tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng. Sơ kết, tổng kết, khen thưởng các cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích trong

phong trào thi đua. Tăng cường phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả để cá nhân, tổ chức, hộ gia đình khác học tập và làm theo.

3. Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, hiệu quả, tác dụng; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua. Việc bình xét, công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng phải đảm bảo nguyên tắc chính xác, công khai, minh bạch, công bằng; kịp thời khen thưởng các cá nhân, tập thể, hộ gia đình tiêu biểu xuất sắc; khuyến khích khen thưởng cá nhân là ngư dân, đồng bào dân tộc thiểu số, nông dân, công nhân, người yếu thế, khuyết tật; tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động, sản xuất, học tập, công tác; cán bộ, công chức, viên chức năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung.

Điều 5. Triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, lãnh đạo ban, ngành, cơ quan, tổ chức ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì, phối hợp với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức phát động, chỉ đạo tổ chức triển khai phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tuyên truyền, tôn vinh, nhân rộng các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng cấp Nhà nước được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, sáng tạo, cách làm hiệu quả.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị tham mưu, giúp việc về công tác thi đua, khen thưởng các cấp, các ngành căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 05 năm và nhiệm vụ chính trị được giao của cơ quan, tổ chức, đơn vị cùng cấp để tham mưu, đề xuất với cấp ủy đảng, chính quyền về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân tham gia phong trào thi đua; chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

3. Cơ quan thông tin đại chúng thường xuyên tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của phong trào thi đua yêu nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng; vị trí vai trò, tầm quan trọng của thi đua yêu nước trong sự nghiệp cách mạng; đẩy mạnh tuyên truyền các phong trào thi đua yêu nước; phản ánh đúng

kết quả, bài học kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, những đổi mới trong công tác thi đua, khen thưởng của các Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, địa phương, cơ quan, đơn vị; phát hiện các cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; biểu dương, tôn vinh, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 6. Việc tặng cờ thi đua, Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh đối với các tập thể tham gia cụm thi đua, khối thi đua

1. Bộ, ban, ngành, tỉnh căn cứ quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và tình hình thực tiễn của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tổ chức cụm thi đua, khối thi đua cho phù hợp, khoa học, hiệu quả; xem xét, tặng Cờ thi đua và Bằng khen đối với các tập thể tham gia cụm thi đua, khối thi đua.

2. Bộ, ban, ngành, tỉnh xem xét, quyết định tặng cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh cho tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu cụm thi đua, khối thi đua do Bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức, không tặng cờ thi đua của cấp mình đối với tập thể nằm trong tỷ lệ được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”. Trường hợp tập thể đã đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” nhưng không được xét tặng do chưa đảm bảo tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” thì Bộ, ban, ngành, tỉnh xem xét, quyết định tặng cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh theo quy định chung.

Điều 7. Khen thưởng cá nhân, tập thể thuộc cơ quan đảng, đoàn thể; Hội đồng nhân dân các cấp; các tổ chức tôn giáo

1. Cá nhân, tập thể làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể: Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó xét, quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

a) Cá nhân, tập thể chuyên trách công tác đảng, đoàn thể ở các Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương thì nơi trực tiếp quản lý cán bộ, công chức và quỹ lương xét, quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

b) Cá nhân, tập thể chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh, do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

c) Cá nhân, tập thể chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khen thưởng hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

d) Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng đối với: Các ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc; Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố; Công đoàn ngành trung ương và tương đương; Công đoàn Tổng Công ty trực thuộc Tổng liên đoàn; Công đoàn khu công nghiệp,

khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao; Công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ tài chính công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên.

2. Việc khen thưởng trong Hội đồng nhân dân các cấp:

a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm được thực hiện theo nguyên tắc cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm xét, quyết định khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng;

b) Hội đồng nhân dân cấp xã: Việc khen thưởng đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm được thực hiện theo nguyên tắc cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, quỹ lương cấp đó có trách nhiệm xét, khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Khen thưởng cá nhân, tập thể thuộc các tổ chức tôn giáo:

a) Việc khen thưởng cá nhân, tập thể thuộc trung ương các giáo hội do cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo (Bộ Dân tộc và Tôn giáo) trình Thủ tướng Chính phủ;

b) Cá nhân, tập thể thuộc giáo hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ.

Điều 8. Trách nhiệm khen thưởng và đề nghị khen thưởng; thời gian tính thành tích khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chia tách, sáp nhập thì cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận một phần chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì mốc thời gian tính thành tích và tiêu chuẩn khen thưởng được tính theo cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị hình thành sau sắp xếp tổ chức bộ máy, việc xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng thực hiện như sau:

a) Đối với danh hiệu thi đua: Thành tích tính thi đua bao gồm kết quả thực hiện chỉ tiêu thi đua của các tập thể trước và sau khi sắp xếp;

b) Đối với khen thưởng: Mốc thời gian tính thành tích và tiêu chuẩn khen thưởng được tính theo thành tích của tập thể có hình thức khen thưởng cao nhất.

4. Không khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị đã giải thể và chấm dứt hoạt động sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị.

Điều 9. Về công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Việc xét, công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định của pháp luật về sáng kiến.

2. Việc đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, công nhận.

3. Việc xét, nghiệm thu đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ.

Đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để làm căn cứ xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền nghiệm thu.

Đối tượng được công nhận có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là Chủ nhiệm đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ. Người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ là thư ký, người được phân công viết ít nhất 01 nội dung của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

Việc công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, công nhận.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền căn cứ hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến, hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để xét, tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cho cá nhân. Sáng kiến được cơ sở công nhận hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu thì đề nghị xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; Sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ có phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh thì xét, tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh; Sáng kiến hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ có phạm vi ảnh

hưởng, hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong toàn quốc thì đề nghị xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

5. Căn cứ quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, thành tích đạt được và hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến hoặc hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của công trình khoa học và công nghệ, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các hình thức theo tiêu chuẩn có sáng kiến hoặc công trình khoa học và công nghệ.

Điều 10. Trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng; cấp phát, cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng; chuẩn bị hiện vật khen thưởng và nhiệm vụ thi đua, khen thưởng khác

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng của Bộ, ban, ngành, tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 10 và khoản 12 Điều 33 của Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng gửi về Bộ Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương) để thực hiện theo quy định.

2. Hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng cấp Nhà nước gửi về Bộ Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương) để thực hiện theo quy định.

Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương) có trách nhiệm mua sắm, bảo quản và cấp phát hiện vật khen thưởng cấp Nhà nước theo quy định.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tham mưu, giúp Bộ Nội vụ thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương theo quy định tại khoản 5 Điều 45 của Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 11. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2025 và thay thế Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Các quy định tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Thông tư số 09/2025/TT-BNV ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về phân định thẩm quyền và phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực nội vụ hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Thông tư này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 trừ các trường hợp sau:

a) Bộ Nội vụ báo cáo Chính phủ đề xuất và được Quốc hội quyết định kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng thì các quy định tương ứng của Thông tư này sẽ tiếp tục có hiệu lực theo thời gian kéo dài của Nghị định đó;

b) Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục được thông qua hoặc ban hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027, thì quy định tương ứng trong Thông tư này sẽ hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các Bộ, ban, ngành Trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Nội vụ để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tổng Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Công báo; Website Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản QPPL; Website Bộ Nội vụ;
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Nội vụ, các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PCBNV, BTĐKTTW.

BỘ TRƯỞNG



Phạm Thị Thanh Trà